

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

Bản án số: 09/2021/KDTM-PT
Ngày 28-12-2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán:

Bà Trịnh Thị Phúc

Bà Đinh Thị Ngọc Yến

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An:** Bà Phùng Thị Cẩm Khanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2021/TLPT-KDTM ngày 21/6/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐ-PT ngày 02 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH M. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 24, Keangnam Landmark Tower, đường P, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kimura S – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Bích H, sinh năm 1977. (Có mặt). Địa chỉ cư trú: số 106 đường N, Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị đơn:** Công ty TNHH Thép V (có yêu cầu phản tố). Địa chỉ trụ sở chính: Lô B081-082, đường số 1, Khu Công nghiệp Đ 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Thái B – Chức danh: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1976. Địa chỉ cư trú: Số 550 đường N, phường 13, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. (Xin vắng mặt).

2. Bà Trần Nữ Giao L, sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú: Thôn T 2, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. (Xin vắng mặt).

3. Bà Phạm Nguyễn Quỳnh M, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: Số 212/A69C đường N, phường N, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. (Xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn C là Luật sư Công ty Luật TNHH Cường & Cộng sự thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Công ty TNHH Thép V, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 15/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH M do bà Đinh Thị Bích H đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày:

Công ty TNHH M (bên bán) và Công ty TNHH Thép V (bên mua) có ký kết các hợp đồng mua bán hàng hóa là thép cán nóng dạng cuộn, sau:

- Hợp đồng kinh tế số MISV – VN 14 ngày 07/10/2015 với tổng giá trị hợp đồng là 7.634.306.680 đồng (đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng).

- Hợp đồng kinh tế số MISV – VN 15 ngày 08/10/2015 với tổng giá trị hợp đồng là 12.332.341.560 đồng (đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng).

- Hợp đồng kinh tế số MISV/HCM16022 ngày 13/01/2016 với tổng giá trị hợp đồng là 11.106.776.725 đồng (đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng).

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH M đã giao đầy đủ hàng hóa cho Công ty TNHH Thép V theo các biên bản giao hàng hóa ngày 16/12/2015, 24/12/2015, 14/01/2016 nhưng Công ty TNHH Thép V không thanh toán đầy đủ tiền hàng cho Công ty TNHH M.

Ngoài ra, giữa Công ty TNHH M (bên bán) và Công ty TNHH Thép V (bên mua) còn ký kết Hợp đồng kinh tế số MISV – VN 12 ngày 05/10/2015 và Hợp đồng kinh tế số MISV – VN 14 ngày 06/10/2015; Công ty TNHH Thép V đã thanh toán đủ tiền hàng hóa của hai hợp đồng này nhưng thanh toán chậm so với thỏa thuận trong hợp đồng nên còn nợ lại tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán.

Đến ngày 31/12/2018, hai công ty lập Biên bản đối chiếu công nợ, theo đó Công ty TNHH Thép V xác nhận còn nợ Công ty TNHH M số tiền là 30.608.276.023 đồng (bao gồm tiền hàng chưa thanh toán của các hợp đồng kinh tế số MISV – VN 14 ngày 07/10/2015; hợp đồng kinh tế số MISV – VN 15 ngày 08/10/2015; Hợp đồng kinh tế số MISV/HCM16022 ngày 13/01/2016 và tiền lãi chậm trả của các hợp đồng số MISV – VN 12 ngày 05/10/2015; MISV – VN 13 ngày 06/10/2015; MISV – VN 14 ngày 07/10/2015; MISV – VN 15 ngày 08/10/2015; MISV/HCM16022 ngày 13/01/2016).

Ngày 10/4/2019, Công ty TNHH Thép V thanh toán cho Công ty TNHH M được số tiền 300.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay.

Do đó, Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Thép V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH M số tiền 30.972.274.559 đồng. Trong đó, trị giá tiền hàng là 23.664.515.074 đồng; tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 15/5/2019 là 7.257.759.485 đồng và yêu cầu Công ty TNHH Thép V phải tiếp tục trả lãi chậm trả trên số tiền còn nợ cho đến khi Tòa án xét xử vụ án theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng kinh tế là 7.5%/năm.

Công ty TNHH M rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Đinh Thái B và bà Lê Thị Hương G phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán tiền cho Công ty TNHH M.

Đồng thời bà Đinh Thị Bích H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và tiếp tục đưa vụ án ra xét xử vì bị đơn không hợp tác và không có thiện chí đến Tòa án để giải quyết tranh chấp.

Tại phiên tòa, Công ty TNHH M do bà Đinh Thị Bích H đại diện theo ủy quyền xác định yêu cầu Công ty TNHH Thép V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH M tổng số tiền là 33.874.019.900 đồng; trong đó, trị giá tiền hàng là 23.664.515.074 đồng; tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 11/01/2021 là 10.209.504.826 đồng và yêu cầu Công ty TNHH Thép V phải tiếp tục trả lãi chậm trả trên số tiền còn nợ cho đến khi Tòa án xét xử vụ án theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng kinh tế là 7.5%/năm.

Bị đơn Công ty TNHH Thép V do ông Nguyễn Ngọc S đại diện theo ủy quyền trình bày cụ thể như sau:

Công ty TNHH Thép V không có giao dịch mua bán hàng hóa, giao kết và nợ tiền hàng hóa với Công ty TNHH M như Công ty TNHH M trình bày và yêu cầu; thực chất quan hệ giữa hai công ty là giao dịch vay tiền, Công ty TNHH M cho Công ty TNHH Thép V vay tiền và đã nhận rất nhiều tiền lãi từ Công ty TNHH Thép V từ năm 2015. Việc Công ty TNHH M cho Công ty TNHH Thép V vay tiền như một tổ chức tín dụng thông qua các hợp đồng kinh tế là vi phạm pháp luật; do đó Công ty TNHH Thép V không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M và có yêu cầu phản tố yêu cầu vô hiệu hợp đồng kinh tế số MISV – VN 13 ngày 06/10/2015 và hợp đồng kinh tế số MISV – VN 14 ngày 07/10/2015 giữa Công ty TNHH M và Công ty TNHH Thép V; yêu cầu Công ty TNHH M trả lại cho Công ty TNHH Thép V số tiền lãi đã nhận là 108.953.697 đồng theo hai hợp đồng kinh tế trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH M có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm thay đổi người đại diện theo pháp luật đối với Công ty TNHH Thép V và cấm xuất nhập cảnh đối với người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thép V là ông Đinh Thái B. Ngày 15/10/2019, Công ty TNHH M có đơn xin rút yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm xuất nhập cảnh đối với người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thép V là ông Đinh Thái B.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2021/KDTM-ST ngày 11 tháng 01 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Đ đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M đối với Công ty TNHH Thép V về việc tranh chấp “*Hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Buộc Công ty TNHH Thép V có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH M số tiền là 33.874.019.900 đồng, trong đó tiền gốc là 23.664.515.074 đồng, tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 11/01/2021 là 10.209.504.826 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Thép V đối với Công ty TNHH M.

3. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2019 ngày 08/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ được xử lý theo khoản 3 Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án; chi phí tố tụng; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 21/10/2021, Tòa án nhân dân huyện Đ nhận được đơn kháng cáo của Công ty TNHH Thép V đề ngày 21/10/2021 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại hoặc bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư Nguyễn Văn C trình bày:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “*hợp đồng mua bán hàng hóa*” là không đúng vì bản chất giao dịch giữa hai bên là vay tiền nên tranh chấp phát sinh phải là “*hợp đồng vay tài sản*”; nguyên đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho bị đơn theo quy định; cấp sơ thẩm không tổng đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng, cụ thể bị đơn không nhận được giấy triệu tập, thông báo về phiên hòa giải, công khai chứng cứ và Tòa án cũng không tiến hành phiên hòa giải và công khai chứng cứ, việc nguyên đơn có đơn yêu cầu không hòa giải là chỉ đối với quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa còn tranh chấp hợp đồng vay tài sản không ai yêu cầu không tiến hành hòa giải. Tất cả thiếu sót này bị đơn đã khiếu nại nhiều lần nhưng không được cấp sơ thẩm xem xét thực hiện.

Do bản chất giao dịch hai bên là hợp đồng vay tiền, các giấy tờ tài liệu do nguyên đơn cung cấp như hợp đồng mua bán hàng hóa, biên bản giao nhận hàng, hóa đơn chứng từ thanh toán, giấy xác nhận công nợ chỉ là giả tạo, các bên lập chỉ nhằm che giấu hợp đồng vay với mức lãi cao hơn luật định. Vì vậy cần thiết phải thu thập các chứng cứ xem có việc mua bán trên thực tế hay không, có việc giao nhận tài sản trên thực tế không, để từ đó xác định chính xác bản chất của giao dịch thì mới giải quyết vụ án khách quan, đúng pháp luật.

Với lý do trên đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án, trường hợp xét thấy không cần phải hủy án thì đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Bà Đinh Thị Bích H trình bày:

Bà hoàn toàn không đồng ý với các lý do mà luật sư của bị đơn nêu ra để yêu cầu hủy án sơ thẩm hoặc bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, bởi lẽ:

Về tố tụng, trên thực tế bị đơn không còn hoạt động tại địa chỉ trụ sở đăng ký nên nguyên đơn không thể cung cấp được tài liệu chứng cứ cho bị đơn, về việc này theo quy định tại khoản 9 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án hỗ trợ cung cấp tài liệu chứng cứ cho bị đơn và nguyên đơn đã thực hiện việc này. Đồng thời, trước khi khởi kiện hai bên đã đối chiếu công nợ và nguyên đơn đã bàn giao toàn bộ tài liệu, chứng cứ cho bị đơn. Việc cấp sơ thẩm không tiến hành hòa giải là vì nguyên đơn có đơn không yêu cầu hòa giải, việc công khai chứng cứ Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn không tham gia, Tòa án có lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ trong đó xác định bị đơn vắng mặt không lý do. Việc Tòa án không tiến hành đối chất là vì chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rõ ràng, bị đơn không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày và yêu cầu phản tố của mình; chứng cứ và lời trình bày của nguyên đơn là thống nhất, rõ ràng, không có tình tiết nào mâu thuẫn trong lời khai của các bên, không có yêu cầu của các bên nên không cần phải đối chất.

Về nội dung, bị đơn cho rằng giao dịch giữa hai bên là hợp đồng vay nhưng hoàn toàn không cung cấp được chứng cứ gì liên quan đến việc vay nợ để Tòa xem xét trong khi nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ chứng cứ chứng minh giao dịch mua bán hàng hóa giữa hai bên, bị đơn đã xác nhận công nợ đúng với số tiền nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán.

Với lý do trên bà H đề nghị bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo: Xét thấy, phần đầu bản án sơ thẩm (bản án gốc, trang 1) ghi các Hội thẩm nhân dân là bà Trần Thị Đ và ông Nguyễn Thanh H nhưng phần quyết định bản án này lại ghi Hội thẩm là “Nguyễn Thị R” và bà Nguyễn Thị R ký tên; phần đầu và phần quyết định của biên bản nghị án đều ghi tên Hội thẩm là Nguyễn Thị R và ký tên; phần đầu của biên bản phiên tòa cũng ghi tên Hội thẩm là bà Nguyễn Thị R. Với việc sai sót

ghi tên Hội thẩm nêu trên là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H là người đại diện của nguyên đơn và luật sư Cường là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn có mặt; ông S, bà L và bà M là người đại diện của bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

[3] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, thực hiện việc tổng đạt, hòa giải và kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm các thủ tục tố tụng này là không có căn cứ. Tuy nhiên, bị đơn có yêu cầu phản tố cho rằng giao dịch thực chất giữa hai bên là vay nợ, nguyên đơn cho bị đơn vay và bị đơn đã trả rất nhiều tiền lãi vay cho nguyên đơn, nhưng cuối đơn phản tố bị đơn lại yêu cầu nguyên đơn hoàn trả số tiền lãi đã nhận 108.953.697đ từ các hợp đồng mua bán hàng hóa mà hai bên ký kết. Như vậy, nội dung đơn phản tố và yêu cầu phản tố của bị đơn là chưa thống nhất, cấp sơ thẩm cần yêu cầu bị đơn sửa đơn phản tố để từ đó thụ lý giải quyết thêm quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản thì mới chính xác.

[5] Xét thấy, căn cứ vào các hợp đồng kinh tế mua bán hàng hóa mà hai bên giao kết, biên bản giao nhận hàng xác lập giữa hai bên, thư xác nhận số dư ngày 09/9/2019, biên bản làm việc ngày 14/3/2019, công văn ngày 06/5/2016 thì Công ty Thép V đều xác nhận còn nợ tiền hàng của nguyên đơn; văn bản xác nhận công nợ, biên bản đối chiếu số nợ phải thu, các bản kê chứng từ, các biên bản xác nhận lãi chậm trả phát sinh đều có xác nhận của bị đơn thừa nhận còn nợ đúng với số tiền mà nguyên đơn khởi kiện; 03 hóa đơn do nguyên đơn xuất cho bị đơn cũng đã được bị đơn kê khai thuế đầu vào năm 2016 (theo xác nhận tại Công văn số 451 ngày 24/02/2020 của Cục thuế tỉnh Long An). Với các chứng cứ trên, Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ.

[6] Tuy nhiên, tại phần đầu bản án sơ thẩm (bản án gốc, trang 1) ghi thành phần Hội đồng xét xử gồm có: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa là ông Đỗ Bình A; các Hội thẩm nhân dân là bà Trần Thị Đ và ông Nguyễn Thanh H nhưng phần quyết định bản án này lại ghi sai tên Hội thẩm từ “*Trần Thị Đ* thành *Nguyễn Thị R*” và bà Nguyễn Thị R ký tên; còn phần đầu và phần quyết định của biên bản nghị án đều ghi tên Hội thẩm là bà Nguyễn Thị R và ký tên; phần đầu của biên bản phiên tòa cũng ghi tên Hội thẩm là bà Nguyễn Thị R. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã sai sót trong việc ghi tên Hội thẩm như trên nên không

xác định được Hội thẩm “*Trần Thị Đ*” hay “*Nguyễn Thị R*” tham gia xét xử, đây là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cần phải hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[7] Bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm; tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng sẽ được xử lý khi Tòa án giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2021/KDTM-ST ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Giao hồ sơ vụ án “*tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” giữa Công ty TNHH M với Công ty TNHH Thép V về Tòa án nhân dân huyện Đ để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho Công ty TNHH Thép V số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007375 ngày 21/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc